

Đặc tả cấu trúc thông tin mẫu
 Phiếu Xét Nghiệm Hóa Sinh Nước Tiểu - Phân - Dịch Chọc Dò

Bảng mô tả định dạng

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	KIỂU DỮ LIỆU	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
I	Thông tin	1.1	ID	Mã định danh phiếu/giấy	Số nguyên	25	
I	Thông tin	1.2	MaBenhNhan	Mã bệnh nhân	Chuỗi	25	
I	Thông tin	1.3	MaHoSo	Mã hồ sơ bệnh án	Chuỗi	25	
I	Thông tin	1.4	HoVaTenBenhNhan	Họ tên người bệnh	Chuỗi	250	
I	Thông tin	1.5	Tuoi	Tuổi bệnh nhân	Số nguyên	4	
I	Thông tin	1.6	GioiTinh	Giới tính của người bệnh. Giá trị enum gồm: 1 – Nam, 2 – Nữ, 3 – Không biết, 4 – Chưa xác định.	Số nguyên	1	Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định
I	Thông tin	1.7	DiaChi	Địa chỉ	Chuỗi	500	
I	Thông tin	1.8	SoTheBHYT	Số thẻ BHYT	Chuỗi	25	
I	Thông tin	1.9	SoYTe	Tên Sở Y tế	Chuỗi	250	
I	Thông tin	1.10	BenhVien	Tên bệnh viện	Chuỗi	250	Theo BHYT
I	Thông tin	1.11	Buong	Buồng bệnh	Chuỗi	50	
I	Thông tin	1.12	Giuong	Giường bệnh	Chuỗi	50	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
I	Thông tin	1.13	LoaiXetNghiem	1-Thường 2-Cấp cứu	Số nguyên	1	
I	Thông tin	1.14	ChanDoanLamSang	Chẩn đoán lâm sàng	Chuỗi	1000	Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế
I	Thông tin	1.15	MaQuanLy	Mã quản lý	Số nguyên	25	
I	Thông tin	1.16	NgaySinh	Ngày sinh bệnh nhân	Ngày	YYYY/MM/DD	
I	Thông tin	1.17	NgayVaoVien	Ngày vào viện	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
I	Thông tin	1.18	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Chuỗi	25	
I	Thông tin	1.19	IDMauPhieu	Mã định danh mẫu phiếu	Số nguyên	5	
II	Chi tiết	2.1	NT_TiTrong	Tỉ trọng nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.2	NT_pH	Độ pH của nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.3	NT_BachCau	Bạch cầu trong nước tiểu	Chuỗi	250	Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11
II	Chi tiết	2.4	NT_HongCau	Hồng cầu trong nước tiểu	Chuỗi	250	Quyết định 7603/QĐ-BYT,

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
							ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11
II	Chi tiết	2.5	NT_Nitrit	Nitrit trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.6	NT_Protein	Protein trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.7	NT_Glucose	Glucose trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.8	NT_TheCeton	Thế ceton trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.9	NT_Bilirubin	Bilirubin trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.10	NT_Urobilinogen	Urobilinogen trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.11	NT_DuongChap	Đường chấp trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.12	NT_Porphyrin	Porphyrin trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.13	NT_ProteinBenceJones	Protein Bence-Jones trong nước tiểu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.14	Phan_HuyetSacTo	Huyết sắc tố trong phân	Chuỗi	250	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
II	Chi tiết	2.15	Phan_Stecobilin	Stercobilin trong phân	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.16	Phan_Stecobilinogen	Stercobilinogen trong phân	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.17	Phan_MauToanPhan	Máu toàn phần trong phân	Chuỗi	250	Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11
II	Chi tiết	2.18	Phan_XNKhac	Xét nghiệm phân khác	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.19	DNT_Protein	Protein trong dịch não tủy	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.20	DNT_Glucose	Glucose trong dịch não tủy	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.21	DNT_Clorua	Clorua trong dịch não tủy	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.22	DNT_PhanUngPandy	Phản ứng Pandy	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.23	DNT_Khac	Xét nghiệm khác trong dịch não tủy	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.24	NT24_TongTheTich	Tổng thể tích nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.25	NT24_Protein	Protein trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
II	Chi tiết	2.26	NT24_Glucose	Glucose trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.27	NT24_Ure	Ure trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.28	NT24_Creatinin	Creatinin trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.29	NT24_AcidUric	Acid uric trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.30	NT24_Amylase	Amylase trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.31	NT24_Na	Natri trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.32	NT24_K	Kali trong nước tiểu 24 giờ	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.33	DV_HClTuDo	HCl tự do trong dịch vị	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.34	DV_HClToanPhan	HCl toàn phần trong dịch vị	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.35	DV_Khac	Xét nghiệm khác trong dịch vị	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.36	DCD_Rivalta	Phản ứng Rivalta trong dịch chọc dò	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.37	DCD_Protein	Protein trong dịch chọc dò	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.38	DCD_Khac	Xét nghiệm khác	Chuỗi	250	

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
				trong dịch chọc dò			
II	Chi tiết	2.2	BacSiDieuTri	Họ Tên bác sĩ điều trị yêu cầu	Chuỗi	250	
II	Chi tiết	2.3	MaBacSiDieuTri	Mã bác sĩ điều trị yêu cầu	Chuỗi	25	
II	Chi tiết	2.4	NgayKyBacSiDieuTri	Ngày ký yêu cầu	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
II	Chi tiết	2.5	BacSiChuyenKhoa	Bác sĩ chuyên khoa xét nghiệm	Chuỗi	150	
II	Chi tiết	2.6	MaBacSiChuyenKhoa	M bác sĩ chuyên khoa xét nghiệm	Chuỗi	25	
II	Chi tiết	2.7	NgayKyBacSiChuyenKhoa	Ngày ký kết quả	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	

Chuỗi Json

```
{
  "ID": 0,
  "MaBenhNhan": "BN20260078",
  "MaHoSo": "HS20260078",
  "HoVaTenBenhNhan": "Lê Minh Quân",
  "Tuoi": 30,
  "GioiTinh": 1,
  "DiaChi": "67/12 Đường Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh",
  "SoTheBHYT": "112233445566",
  "SoYTe": "YT202600345",
  "BenhVien": "Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM",
```

"Buong": "A412",
"Giuong": "15",
"LoaiXetNghiem": 2,
"ChanDoanLamSang": "Viêm đường tiết niệu - Nghi sỏi thận",
"MaQuanLy": 150058,
"NgaySinh": "1996-07-12",
"NgayVaoVien": "2026-04-08T10:30:00",
"MaCSKCB": "79019",
"IDMauPhieu": 1018,
"NT_TiTrong": "1.025",
"NT_pH": "6.0",
"NT_BachCau": "15-20 /HPF",
"NT_HongCau": "8-12 /HPF",
"NT_Nitrit": "Dương tính",
"NT_Protein": "++",
"NT_Glucose": "Âm tính",
"NT_TheCeton": "Âm tính",
"NT_Bilirubin": "Âm tính",
"NT_Urobilinogen": "Bình thường",
"NT_DuongChap": "Âm tính",
"NT_Porphyrin": "Âm tính",
"NT_ProteinBenceJones": "Âm tính",
"Phan_HuyetSacTo": "Âm tính",
"Phan_Stecobilin": "Dương tính",
"Phan_Stecobilinogen": "Dương tính",
"Phan_MauToanPhan": "Âm tính",
"Phan_XNKhac": "Không thấy trứng giun sán, không thấy bạch cầu",
"DNT_Protein": "",
"DNT_Glucose": "",
"DNT_Clorua": "",
"DNT_PhanUngPandy": "",

```
"DNT_Khac": "",
"NT24_TongTheTich": "1450 mL/24h",
"NT24_Protein": "0.18 g/24h",
"NT24_Glucose": "0.1 mmol/24h",
"NT24_Ure": "380 mmol/24h",
"NT24_Creatinin": "12.5 mmol/24h",
"NT24_AcidUric": "3.2 mmol/24h",
"NT24_Amylase": "280 U/24h",
"NT24_Na": "145 mmol/24h",
"NT24_K": "48 mmol/24h",
"DV_HClTuDo": "",
"DV_HClToanPhan": "",
"DV_Khac": "",
"DCD_Rivalta": "",
"DCD_Protein": "",
"DCD_Khac": "",
"BacSiDieuTri": "ThS.BS. Nguyễn Thị Thu Hà",
"MaBacSiDieuTri": "BS14567",
"NgayKyBacSiDieuTri": "2026-04-09T09:20:00",
"BacSiChuyenKhoa": "TS.BS. Phạm Văn Đức",
"MaBacSiChuyenKhoa": "CKXN078",
"NgayKyBacSiChuyenKhoa": "2026-04-09T10:15:00"
}
```